

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/DS-ST

Ngày 20/11/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mùa

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

-Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST – DS ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; địa chỉ trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, VPBank Hội sở (Theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020);

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Đặng Lê Trường A, sinh năm 1993, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo văn bản ủy quyền số: 43042/2020/VPB AMC PN ngày 08/4/2020); địa chỉ liên lạc: Tầng 1, Tòa nhà ACM, số 96 Cao Thắng, phường D, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh “có đơn xin vắng mặt”.

- Bị đơn: Ông Bùi Hoàng D, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn K, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP T và ông Bùi Hoàng D đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LN1712070361957/PXN/HĐTD ngày 08/12/2017, với nội dung cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP T cho ông Bùi Hoàng D vay số tiền: 471.000.000 đồng; mục đích vay: Mua xe ô tô con, nhãn hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, mới 100%. Thời hạn vay: 83 tháng, từ ngày 09/12/2017 đến ngày 09/11/2024. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Tài sản bảo đảm để thế chấp là: 01 xe ô tô con, nhãn hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, số khung: RLLJF696EHH948186, số máy: F16D3171700492, biển kiểm soát 93A – 103.65, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016334 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/12/2017 cho ông Bùi Hoàng D.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Bùi Hoàng D đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay đến ngày 09/9/2018 thì không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông D trả nợ nhưng ông D vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 09/9/2018.

Tính đến ngày 08/4/2020, ông Bùi Hoàng D đã trả nợ cho Ngân hàng số tiền 93.907.622 đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 51.089.609 đồng và tiền nợ lãi là 42.818.013 đồng. Đến ngày 20/11/2020, ông Bùi Hoàng D còn nợ số tiền 625.182.814 đồng, trong đó tiền nợ gốc 419.910.391 đồng và tiền nợ lãi 205.272.423 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc ông Bùi Hoàng D phải trả cho Ngân hàng TMCP T toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 20/11/2020 là: 625.182.814 đồng, trong đó tiền nợ gốc 419.910.391 đồng và tiền nợ lãi 205.272.423 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/11/2020 theo Hợp đồng tín dụng số LN1712070361957/PXN/HĐTD ngày 08/12/2017 cho đến khi ông Bùi Hoàng D trả hết tiền nợ cho Ngân hàng TMCP T;

- Trường hợp ông Bùi Hoàng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn

hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, số khung: RLLJF696EHH948186, số máy: F16D3171700492, biển kiểm soát 93A – 103.65, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016334 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/12/2017 cho ông Bùi Hoàng D để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay. Nếu sau khi phát mại tài sản bảo đảm nêu trên mà ông D vẫn chưa trả hết nợ thì ông D vẫn phải tiếp tục trả số tiền nợ còn lại.

Bị đơn là ông Bùi Hoàng D: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Ngân hàng TMCP T khởi kiện ông Bùi Hoàng D thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 08/12/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là tranh chấp phát sinh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn là ông Bùi Hoàng D đã được Tòa án tiến hành thông báo các văn bản tố tụng theo quy định tại điều 180 nhưng vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu đòi nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LN1712070361957/PXN/HĐTD ngày 08/12/2017; Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã có cơ sở để khẳng định: Hợp đồng tín dụng số LN1712070361957/PXN/HĐTD ngày 08/12/2017 do bị đơn ông Bùi Hoàng D đã ký với Ngân hàng TMCP T là hợp đồng tín dụng có biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, số khung: RLLJF696EHH948186, số máy: F16D3171700492, biển kiểm soát 93A – 103.65, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016334 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/12/2017 cho ông Bùi Hoàng D. Sau khi vay tiền bị đơn chỉ trả nợ cho Ngân hàng đến ngày 09/9/2018 với số tiền số tiền 93.907.622 đồng, trong đó tiền nợ gốc là: 51.089.609 đồng và tiền nợ lãi là 42.818.013 đồng. Kể từ ngày 09/9/2018 đến nay ông D không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông D trả nợ nhưng ông D vẫn không trả nợ cho Ngân hàng nên khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 09/9/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác nhận bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 419.910.391 đồng. Phía bị đơn dù không có mặt tại phiên toà nhưng căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp xe ô tô, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi: Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến ngày 20/11/2020 là 205.272.423 đồng là phù hợp với sự thoả thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký và quy định của pháp luật về lãi suất nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 21/11/2020 cho đến khi bị đơn trả xong nợ gốc theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với thoả thuận của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Theo Hợp đồng thế chấp ô tô số LN1712070361957/PXN/HĐTCSP ngày 08/12/2017 ký giữa Ngân hàng TMCP T và ông Bùi Hoàng D được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, việc thế chấp nêu trên là đúng quy định của pháp luật nên được công nhận. Căn cứ vào sự thoả thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 08/12/2017, Hợp đồng thế chấp trên cùng với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn, cụ thể: Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, số khung: RLLJF696EGH948186, số máy: F16D3171700492, biển kiểm soát 93A – 103.65, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016334 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/12/2017 cho ông Bùi Hoàng D để thu hồi tiền nợ. Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn dư sẽ trả lại cho bên thế chấp ông D, nếu thiếu ông D còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng : Căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn Ngân hàng TMCP T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng đã nộp theo thông báo ngày 01/9/2020. Nguyên đơn Ngân hàng đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức án phí là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng.

Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 20.000.000 đồng + (225.182.814 đồng x 4%) = 29.007.312 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40, khoản 2 Điều 180; Điều 227; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119; 293; 295; 298; 299, 317; 319, 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn ông Bùi Hoàng D phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 625.182.814 đồng (*Sáu trăm hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi hai nghìn*

tám trăm mười bốn đồng), trong đó tiền nợ gốc 419.910.391 đồng và tiền nợ lãi 205.272.423 đồng.

Sau khi ông Bùi Hoàng D trả xong toàn bộ tiền nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng TMCP T có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Hoàng D bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản đã thế chấp.

Trường hợp bị đơn ông Bùi Hoàng D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nợ thì Ngân hàng TMCP T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu CHERVOLET, số loại CRUZE, số khung: RLLJF696EHH948186, số máy: F16D3171700492, biển kiểm soát 93A – 103.65, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016334 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 06/12/2017 cho ông Bùi Hoàng D để thu hồi nợ. Số tiền phát mại tài sản thế chấp thu được sau khi trả nợ cho Ngân hàng nếu còn dư được trả lại cho bên thế chấp ông D, nếu thiếu ông D còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 29.007.312 đồng (Hai mươi chín triệu không trăm không bảy nghìn ba trăm mười hai đồng) ông Bùi Hoàng D phải chịu.

Ngân hàng TMCP T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 13.291.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019230 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/11/2020) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công